TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/DS-PT
Ngày:14/3/2019
V/v tranh chấp: "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em.**

Các Thẩm phán: - Ông **Mai Hoàng Khải;**

- Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang**:** Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2018/QĐPT-DS ngày 03/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Doanh nghiệp tư nhân KT (hiện là Công ty TNHH KT**).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: Anh **Đoàn Quốc K**, sinh năm 1987.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Đoàn Khánh T**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh K, anh T: Luật sư **Nguyễn Văn H** – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn:

Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Bà **Dương Thị Đ (Dương Thị H)**, sinh năm 1973. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T – Công ty TNHH MTV VT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1945. (vắng mặt)

3.2 Chị Lê Phương T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng:

4.1Bà Trần Ngọc Đ, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

4.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4.3 Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Bị đơn **Dương Thị Đ (Dương Thị H)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đoàn Khánh T trình bày:*

Từ năm 2011, giữa bà Nguyễn Thị V là chủ doanh nghiệp tư nhân KT (gọi tắt là doanh nghiệp) có cho vợ chồng ông Lê Văn H bà Dương Thị H (Dương Thị Đ) ứng tiền (vay tiền) của doanh nghiệp trước để làm vốn mua lúa về xay gạo bán lại cho doanh nghiệp. Đến ngày 29/12/2014, ông H và bà H ký xác nhận còn nợ bà V số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Đến ngày 31/12/2014, ông H bà H xác nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị V số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) và cam kết trả cho anh Đoàn Quốc K là con ruột của bà V (vì bà V đã tặng cho doanh nghiệp cho anh K vào ngày 25/12/2014) số tiền trên, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bắt đầu trả từ ngày 25/01/2015 cho đến khi hết nợ. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất chậm trả là 2,7%/tháng. Đến nay, ông H bà H chỉ trả được ba lần tổng cộng 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) còn nợ lại 205.000.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu đồng). Ông H và bà H có thế chấp cho anh K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD276437, thửa số 1139, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.914 m^2, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 09/12/2010 cho ông Lê Văn H. Ngoài ra, ông H bà H còn thế chấp cho anh K 01 chiếc ghe chở lúa (hiện ghe do ông H và bà H đang quản lý). Nếu ông H và bà H trả nợ không đúng thỏa thuận thì phải giao quyền sử dụng đất thửa đất hoặc chiếc ghe đã thế chấp cho anh K quản lý sử dụng không được đàm phán. Hiện tại, ông H và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng ông H bà H liên đới trả cho anh Đoàn Quốc K là chủ Công ty TNHH KT số tiền vay 205.000.000 đồng và lãi theo luật định của số tiền 205.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2016 đến ngày xét xử (làm tròn 17 tháng) là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), tổng cộng

vốn lãi là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Anh K sẽ trả lại tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H khi nhận đủ tiền.

** Bị đơn ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ (H) trình bày:*

Khoảng năm 2011, ông H bà H có mua lúa về xay gạo bán cho Doanh nghiệp tư nhân KT nay là Công ty TNHH KT. Do thiếu vốn nên ông H bà H có vay tiền của bà V chủ doanh nghiệp tư nhân KT để làm vốn mua lúa. Ông H bà H làm ăn thua lỗ, bà V lại tính lãi quá cao thường là 2,7%/tháng, đôi khi lãi 06%/tháng nên không trả được nợ. Ông bà thống nhất về nội dung các giấy xác nhận nợ lập ngày 29/12/2014 và ngày 31/12/2014 và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chiếc ghe cho anh K như phía nguyên đơn trình bày. Trong số 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) có đến 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu đồng) là tiền lãi còn lại 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) là tiền vốn. Ông H bà H đã trả cho anh K được 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Nay ông H và bà H không đồng ý theo yêu cầu của anh K, ông H bà H chỉ đồng ý trả thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) xem như xong nợ, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H bà H có khởi kiện phản tố yêu cầu xem xét điều tiết giảm lãi theo quy định của pháp luật do bà V tính lãi 2,7%/tháng, có khi 06%/tháng trên số tiền gốc 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) nên đến ngày 29/12/2014 mới có số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Hủy bỏ quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 7/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Buộc công ty TNHH KT trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 276437, tờ bạn đồ số 6, thửa đất số 1139, tọa lạc tại xã T, huyện V, Long An cho ông Lê Văn H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: ông Đoàn Văn C và chị Lê Phương T có ý kiến thống nhất với ý kiến của anh Đoàn Quốc K.

** Người làm chứng là bà Nguyễn Thị D, bà Trần Ngọc Đ và bà Lê Ngọc D cùng thống nhất trình bày*: Những lái mua lúa về xay bán gạo và các phụ phẩm cho doanh nghiệp tư nhân KT nếu thiếu vốn thì bà Nguyễn Thị V chủ doanh nghiệp sẽ cho ứng vốn đi mua lúa về xay bán lại cho doanh nghiệp bà V sẽ tính lãi 2,7% trên tháng đối với số tiền ứng trước.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 229 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH KT đối với ông Lê Văn H và Dương Thị H (Dương Thị Đ).

Buộc ông Lê Văn H và bà Dương Thị H (Dương Thị Đ) có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH KT số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc anh Đoàn Quốc K tự nguyện giao trả lại cho ông Lê Văn H và bà Dương Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 276437, tờ bạn đồ số 6, thửa đất số 1139 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An cấp ngày 09/12/2010 cho ông Lê Văn H, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, Long An (thực hiện khi ông H bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho công ty TNHH KT).

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H và bà H không trả số tiền nêu trên thì ông H và bà H còn phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kiện phản tố của ông Lê Văn H và bà Dương Thị H đối với Công ty TNHH KT.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 08/5/2018, bị đơn bà Dương Thị H (Dương Thị Đ) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp mà đây là Hợp đồng mua bán giải quyết bằng vụ án kinh doanh thương mại và đối với quyết định đính chính bản án thì xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chiếu làm rõ số tiền lãi trong quyển sổ mà bị đơn cung cấp do bà Đ là người làm công cho Doanh nghiệp tư nhân KT viết khi giao dịch với bà Đ (H). Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng Tòa án nhân dân huyện T xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên tại Tòa phúc thẩm, anh T tự nguyên không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu trả vốn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi 45.000.000 đồng mà yêu cầu trả vốn 205.000.000 đồng nên ghi nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Dương Thị Đ (H) còn trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là không phù hợp bởi vì hai bên thừa nhận số tiền bà Đ, ông H nợ là tiền ứng mua lúa còn nợ lại nên không thể xác định hợp đồng vay mà là tranh chấp " Đòi tài sản" mới đúng nội dung vụ án nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về tố tụng: Ông Lê Văn H vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo bà Dương Thị Đ (H), Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2011 đến tháng 12/2014, bà Đ và ông H mua lúa về xay gạo bán lại cho doanh nghiệp tư nhân KT do bà Nguyễn Thị V là chủ doanh nghiệp nên bà V có ứng tiền của doanh nghiệp cho bà Đ và ông H mượn trước sau đó bán gạo trừ lại. Trong thời gian mua bán bà Đ và ông H ứng nhiều lần đến tháng 12/2014 chấm dứt việc mua bán, ông H, bà Đ còn nợ lại bà V số tiền 230.000.000 đồng, hai bên có làm biên bản xác nhận nợ ngày 29/12/2014, ông H và bà Đ (H) có ký tên bên nhận nợ. Đến ngày 31/12/2014, bà Đ (H) có làm bảng cam kết trả nợ với anh Đoàn Quốc K con bà V xin trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Nhưng ông H, bà Đ (H) không thực hiện đúng theo cam kết mà chỉ trả từ ngày 31/12/2014 đến ngày 11/9/2015 là 25.000.000 đồng, hiện ông H, bà Đ còn nợ lại Doanh nghiệp tư nhân KT (nay là Công ty TNHH KT) số tiền 205.000.000 đồng.

Bà Đ (H) kháng cáo cho rằng trong số tiền 230.000.000 đồng chỉ có 14.000.000 đồng tiền vốn và 216.000.000 đồng tiền lãi, bà Đ căn cứ vào quyển tập do bà Trần Ngọc Đ là người làm công cho bà V ghi chép xác định 230.000.000 đồng là có vốn lãi. Tuy nhiên quyển sổ này bà V không có ký xác nhận, tại phiên tòa phúc thẩm anh T đại diện ủy quyền cho Công ty TNHH KT không thừa nhận, bà Đ cũng không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa căn cứ vào biên bản xác nhận nợ ngày 29/12/2014 và bảng cam kết trả nợ ngày 31/12/2014 bà Đ ông H cũng không ghi số tiền 230.000.000 đồng là có tiền lãi. Nay bà Đ kháng cáo yêu cầu trừ ra số tiền lãi bà đồng ý trả 50.000.000 đồng là không có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà Đ (H) trả cho Công ty TNHH KT số tiền 230.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Ngoài ra Công ty TNHH KT còn yêu cầu ông H, bà Đ trả lãi chậm trả của số tiền 230.000.000 đồng là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của Công ty TNHH KT rút lại phần tiền lãi không yêu cầu chỉ yêu cầu ông H, bà Đ trả 205.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH KT.

Từ những phân tích trên yêu cầu kháng cáo của bà Đ không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm cấp sơ thẩm có xác định sai quan hê pháp luật tranh chấp là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đây là sai sót trong khâu đánh máy còn nội dung vụ án không thay đổi nên cũng không phải là vi phạm nghiêm trọng nên kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với bà Đ (H) có đơn xin miễn giảm án phí có chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn nên giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ, ông H theo qui định. Do đó sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Ý kiến luật bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Ý kiến luật bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo bà Đ được chấp nhận một phần về án phí nên bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 229 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Đ (Dương Thị H).

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về án phí.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH KT yêu cầu ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ trả 45.000.000 đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH KT đối với ông Lê Văn H và Dương Thị Đ (Dương Thị H).

Buộc ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ (Dương Thị H) có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH KT số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 205.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc anh Đoàn Quốc K tự nguyện giao trả lại cho ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ (H) 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 276437, tờ bản đồ số 6, thửa đất số 1139 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An cấp ngày 09/12/2010 cho ông Lê Văn H, đất tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Long An (thực hiện khi ông H bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho công ty TNHH KT).

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H và bà Đ không trả số tiền nêu trên thì ông H và bà Đ còn phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu kiện phản tố của ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ (H) đối với Công ty TNHH KT.

4. Về án phí :

Bà Dương Thị Đ (H) không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Đ được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 19249 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông Lê Văn H và bà Dương Thị Đ (H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.725.000 đồng (trong đó có 600.000 đồng án phí phản tố không được chấp nhận). Ông H, bà Đ nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu số 18813 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được cấn trừ ông H, bà Đ còn nộp tiếp 5.125.000 đồng

Công ty TNHH KT được nhận số tiền tạm ứng án phí là 6.838.000 đồng theo biên lai thu số 18592 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 14/3/2019 có mặt bị đơn, các đương sự còn lại vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em